

Số: 83/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bảo Thị D, sinh năm 1988; CCCD số 002188001893, Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ Công an cấp ngày 25/4/2021.

- Bị đơn: Anh Chu Văn C, sinh năm 1985; Căn cước số 002085003609, Bộ Công an cấp ngày 15/12/2025.

Cùng địa chỉ: Thôn Làng M, xã V, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Bảo Thị D và bị đơn anh Chu Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bảo Thị D và anh Chu Văn C thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị D và anh C nhất trí giao cháu Chu Bảo Q, sinh ngày 12/11/2014 cho anh Chu Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- **Về tài sản, công nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Bảo Thị D tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do Chị D đã nộp theo biên lai thu số 0000464 ngày 13/03/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Bảo Thị D 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4;
- UBND xã V, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Kim Quy